

ATHENS:V.MOIRA, INDUSTRIAL AREA MANDRA, 19600, ATHENS, GREECE, TEL:+30 210 5557579, FAX:+30 210 5558482

THESSALONIKI: 10TH KM N.R THESSALONIKIS-POLIGIROU, 57001, THERMI THESSALONIKI, GREECE, TEL:+30 2310 467275, FAX: 2310 463442

## Neoproof® Polyurea



### Mô tả

**Neoproof® Polyurea** là một lớp phủ chống thấm polyurea nguyên chất 2 thành phần, có thể thi công bằng chổi cho mái nhà, với độ bền cơ học và khả năng chống thấm vượt trội. Không yêu cầu thiết bị thi công đặc biệt. Nó tạo thành một màng chống ẩm, không thấm thấu, không phồng rộp, không hấp thụ nước và khả năng chống tia cực tím và ứng suất cơ học cao.

### Ứng dụng

- Mái nhà làm bằng bê tông, tấm xi măng, khám, vữa xi măng
- Mái nhà có khả năng chống nước tù đọng
- Bề mặt kim loại, như đường ống, sau khi sử dụng sơn lót thích hợp (sử dụng **Neopox® Special Primer 1225** trong trường hợp cần bảo vệ chống ăn mòn)
- Lớp chống thấm polyurethane mới hoặc cũ
- Lớp phủ trên lớp polyurea phun đông kết nhanh
- Bảo vệ lớp cách nhiệt bọt polyurethane

### Đặc điểm kỹ thuật

- Ngăn chặn sự xâm nhập của độ ẩm, tạo độ kín hoàn toàn
- Tăng khả năng chống uốn và giãn
- Độ bền cơ học rất cao
- Không cần thiết bị thi công đặc biệt
- Khả năng chống tia cực tím cao
- Bám dính tuyệt vời với tất cả các chất nền xây dựng như bê tông, thạch cao, tường xây, kim loại, gỗ
- Lớp phủ không phồng rộp. Không xuất hiện các lỗ do bóng khí trên bề mặt trong quá trình đông kết vật liệu
- Khô và ninh kết nhanh
- Thời gian sống dài
- Đặc tính kết liền vết nứt
- Dễ thi công
- Bảo vệ chống thấm lâu dài
- Giải pháp lý tưởng cho việc chống thấm mái nhà đi bộ
- Chịu được nhiệt độ từ -35°C đến + 80°C

ATHENS: V. MOIRA, INDUSTRIAL AREA MANDRA, 19600, ATHENS, GREECE, TEL: +30 210 5557579, FAX: +30 210 5558482

THESSALONIKI: 10TH KM N.R THESSALONIKIS-POLIGIROU, 57001, THERMI THESSALONIKI, GREECE, TEL: +30 2310 467275, FAX: 2310 463442

## Neoproof® Polyurea

### Đặc điểm kỹ thuật

Tỷ lệ pha trộn (theo trọng lượng)	13:8
Hàm lượng chất rắn theo trọng lượng (ASTM D5201)	>85%
Chịu nhiệt độ	Tối thiểu -35°C / Tối đa +80°C
Độ cứng Shore A (EN ISO868:2003/ASTM 2240)	78
Độ cứng Shore D (EN ISO 868:2003/ASTM 2240)	30
Hệ số hấp thụ (EN 1062-3:2008)	0.00 kg/m <sup>2</sup> min <sup>0.5</sup>
Độ ẩm mặt nền	<4%
Nhiệt độ thi công	+5°C tới +35°C
Giãn dài tại điểm gãy (ASTM D412)	420%
Độ bền căng tại điểm gãy (ASTM D412)	11,1N/mm <sup>2</sup>
Bám dính bê tông (ASTM D4541)	>3N/mm <sup>2</sup>
Tổng phản chiếu (SR%) (ASTM E 903-96)	87
Tổng hệ số phát xạ (ASTM E408-71)	0,85
Chỉ số phản xạ ánh nắng (SRI) (ASTM G159-98)	109
Khả năng chống mài – kết liên vết nứt (TR-008)	1000 chu kì ở -10°C (W3-25 năm)
Định mức tiêu thụ	1-1,2 kg/m <sup>2</sup> (cho 2 lớp, trên nền xi măng)

Neoproof® Polyurea đã được thử nghiệm thành công theo tiêu chuẩn châu Âu ETAG 005 cho bộ chống thấm mái thi công dạng lỏng (gốc Polyurea) bởi cơ quan chứng nhận nhà nước Hà Lan KIWA Nederlands.

Tuổi thọ hoạt động	W3, 25 năm (bản báo cáo thử nghiệm P 10248-3b-E)
Khu vực khí hậu	M và S (khí hậu ôn hòa và khắc nghiệt)
Chịu tải	P1 đến P4 (từ thấp đến đặc biệt)
Độ dốc mái	S1 đến S4 (<5% đến >30%)
Nhiệt độ bề mặt thấp nhất	TL3 (-20°C)
Nhiệt độ bề mặt cao nhất	TH2 (60°C)
Khả năng chịu sức gió	>50KPa
Độ kín nước	Qua

Neoproof® Polyurea được chứng nhận theo ETAG-005 với Đánh giá kỹ thuật châu Âu ETA 18/0563, sau khi được kiểm tra bởi Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng KIWA của Đức.

Thời gian sống		Hết dính		Lớp phủ/có thể bước lên	
Nhiệt độ (°C)	Thời gian	Nhiệt độ (°C)	Thời gian	Nhiệt độ (°C)	Thời gian
5°C	140 phút	5°C	10 giờ	5°C	24 giờ
23°C	100 phút	23°C	5 giờ	23°C	18 giờ
35°C	60 phút	35°C	3 giờ	35°C	12 giờ

ATHENS:V.MOIRA, INDUSTRIAL AREA MANDRA, 19600, ATHENS, GREECE, TEL:+30 210 5557579, FAX:+30 210 5558482

THESSALONIKI: 10TH KM N.R THESSALONIKIS-POLIGIROU, 57001, THERMI THESSALONIKI, GREECE, TEL:+30 2310 467275, FAX: 2310 463442

## Neoproof® Polyurea

### Hướng dẫn thi công

#### Chuẩn bị bề mặt

Bề mặt phải nhẵn và liền (nghĩa là không tồn tại lỗ rỗ, vết nứt, v.v.). Trong trường hợp ngược lại, chúng nên được xử lý theo cách thích hợp (ví dụ: bằng matit). Hơn nữa, chúng phải sạch, khô và không bám bụi, dầu, mỡ và vật liệu rời. Trước khi thi công, để làm đầy lỗ rỗ li ti, tăng cường độ bám dính và độ che phủ cao hơn của vật liệu, nên quét **Acqua Primer NP**, pha loãng với nước (10 - 15% trọng lượng). Nhiệt độ mặt nền phải lớn hơn + 12°C.

**Thi công:** Đổ phần B vào phần A trong khi liên tục trộn bằng máy tốc độ 400 vòng/phút trong khoảng 2-3 phút.

**Neoproof Polyurea** được thi công bằng chổi, con lăn hoặc thiết bị phun sau 24 giờ mặt nền đã được quét lót bằng **Acqua Primer NP**. **Neoproof Polyurea** được ứng dụng 2 lớp nguyên chất.

#### Lưu ý

- **Neoproof® Polyurea** không nên được thi công trong điều kiện ẩm ướt hoặc điều kiện ẩm ướt sẽ xảy ra trong thời gian sản phẩm ninh kết.
- Điều kiện thi công: Độ ẩm bề mặt: <4%, Độ ẩm môi trường <85%. Nên tiến hành thi công ở nhiệt độ từ + 5°C đến +35°C.
- Đối với các ứng dụng yêu cầu đặc biệt hoặc khi cần che các vết nứt lớn hơn 1,5 mm, **Neoproof® Polyurea** có thể được gia cố bằng lưới polyester không dệt được thiết kế đặc biệt **Neotextile® 100gr**. Trong những trường hợp như vậy, cần ứng dụng ít nhất ba lớp phủ của sản phẩm.
- Trong trường hợp cách nhiệt mái ngược hoặc cách nhiệt không đủ nên sử dụng hệ thống thông gió mái thích hợp.

**Màu sắc:** Trắng.

Các màu khác luôn sẵn có theo yêu cầu.

**Đóng gói:** Bộ 21kg và 5,25kg được đóng trong thùng (thành phần A&B đã được định sẵn tỷ lệ trộn)

**Vệ sinh dụng cụ:** Dùng dung môi **Neotex®1021** ngay sau khi thi công xong.

**Tẩy vết ố:** Dùng dung môi **Neotex® 1021** khi vết ố vẫn còn ẩm và chưa đông cứng. Trường hợp vết ố đã đông cứng, tẩy bằng biện pháp cơ học.

**Bảo quản:** Phần A: 2 năm (5 - 45°C) khi còn nguyên thùng.

Phần B: 1 năm (5 - 35°C) khi còn nguyên thùng.

NEOTEX S.AV.Moira, 19600 Khu công nghiệp Mandra, Hy Lạp

16

**DoP No. Neoproof Polyurea: ETA -18/0563ETAG 005NEOPROOF POLYUREA**  
Hệ thống bảo vệ bề mặt cho lớp phủ bê tông

Thấm CO:	SD>50
Thấm hơi nước:	Loại II
Hấp thụ mao mạch và khả năng thấm nước:	$W<0,1\text{kg/m}^2\text{h}^{0.5}$
Khả năng kết liền vết nứt:	NPD
Cường độ bám dính:	$\geq 1,5\text{N/mm}^2$
Phản ứng với lửa:	Euroclass F
Chất nguy hiểm:	Tuần thủ 5.3

Thông tin được cung cấp trong biểu dữ liệu này, liên quan đến việc sử dụng và các ứng dụng của sản phẩm, dựa trên kinh nghiệm và kiến thức về NEOTEX® SA. Nó được cung cấp như một dịch vụ cho các nhà thiết kế và nhà thầu để giúp họ tìm ra các giải pháp tiềm năng. Tuy nhiên, với tư cách là nhà cung cấp, NEOTEX® SA không kiểm soát việc sử dụng thực tế của sản phẩm và do đó không thể chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng. Do sự phát triển kỹ thuật liên tục, khách hàng phải kiểm tra với bộ phận kỹ thuật của chúng tôi rằng bảng dữ liệu hiện tại này đã không được sửa đổi bởi phiên bản gần đây hơn.